

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Quách Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hoan;
- Bà Đinh Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Quang Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2025 (của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình), về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Đỗ Anh T, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ B, phường T, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Phương T1 – Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N (có mặt).

2. Bị đơn: chị Nguyễn Khánh H, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ B, phường T, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đỗ Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H tự nguyện đăng

ký kết hôn ngày 11/5/2023 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với gia đình nhà chồng được một thời gian ngắn thì hai vợ chồng có xảy ra bất đồng trong sinh hoạt, ứng xử trong gia đình, có lời qua tiếng lại dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Đến tháng 11/2024, do bất đồng trầm trọng, chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải gặp gỡ, khuyên bảo, vợ chồng cũng đã nói chuyện với nhau nhiều nhưng vẫn không thể đoàn tụ và tiếp tục sống ly thân. Do vậy, đến nay anh Đỗ Anh T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được thuận tình ly hôn với chị Nguyễn Khánh H.

Về việc nuôi con: anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H có một con chung là cháu Đỗ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/7/2023. Hiện tại cháu N đang ở cùng chị H và được chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T thừa nhận cháu N từ tháng 5/2025 đến tháng 7/2025 cháu N có bị ốm, hiện tại sức khỏe bình thường, được đi học tại nhà trẻ. Tại đơn khởi kiện, anh T đề nghị giao cho chị H nuôi dưỡng cháu N, mỗi tháng anh T cấp dưỡng cho cháu N 3.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu giao cháu Đỗ Nguyễn Bảo N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng với lý do chị H có tiền sử bị bệnh trầm cảm, mặt khác anh và gia đình có điều kiện nuôi dưỡng cháu tốt hơn và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Nguyễn Bảo N.

Về chia tài sản: Anh Đỗ Anh T trình bày trong thời gian chung sống, anh và chị H có hai khoản tiền do chị Nguyễn Khánh H quản lý và gửi tại tài khoản Ngân hàng, cụ thể:

- Khoản thứ nhất: khoản tiết kiệm 500.000.000 đồng, do chị H đứng tên gửi tiết kiệm từ tháng 19/02/2024 (kỳ hạn 12 tháng) tại ngân hàng V chi nhánh T2, số tiền lãi đến nay là 24.000.000 đồng tổng cộng là 524.000.000 đồng. Đối với khoản tiền này, trong quá trình xét xử anh T xác định chia mỗi người $\frac{1}{2}$, tại phiên tòa anh T đề nghị chia theo tỷ lệ anh T 60%, chị H 40% với lý do số tiền này một phần do bán vàng cưới mà gia đình nhà anh cho vàng cưới nhiều hơn nhưng anh T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh và do tiết kiệm tiền lương do tiền lương của anh cao hơn, thời gian đầu mới cưới chị H chưa có việc làm, chưa có thu nhập.

- Khoản tiền thứ hai: là khoản tiền anh chuyển khoản cho chị H, cùng với tiền tiết kiệm của chị H được chị H quản lý, tại thời điểm ly thân tháng 11/2024 số tiền này là 107.687.810 đồng, đến tháng 7/2025 còn lại 102.062.628 đồng. Đối với khoản tiền này, trong quá trình xét xử anh T xác định chia mỗi người $\frac{1}{2}$, tại phiên tòa anh T đề nghị chia theo tỷ lệ anh T 60%, chị H 40% với lý do số tiền này do tiết kiệm tiền lương của hai vợ chồng mà tiền lương của anh cao hơn chị H.

Tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 4 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Khánh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Khánh H nhất trí với trình bày của anh

Đỗ Anh T về quá trình kết hôn, chung sống, tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị H cũng đồng ý với quan điểm của anh T, vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được thuận tình ly hôn với anh T.

Về việc nuôi con: chị H và anh T có một con chung là cháu Đỗ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/7/2023 như anh T trình bày. Từ khi cháu sinh ra đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc cháu, nuôi dưỡng cháu, mặt khác Đỗ Nguyễn Bảo N chưa đủ 18 tuổi, chị H đang là bộ đội, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu nên chị H đề nghị giao cháu Đỗ Nguyễn Bảo N cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chia tài sản:

- Đối với khoản tiền thứ nhất là 524.000.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) do chị đang quản lý, gửi tiết kiệm mà anh T trình bày có nguồn gốc từ việc bán vàng và tiết kiệm tiền lương của hai vợ chồng, về công sức đóng góp chị H cho rằng là như nhau, việc hai bên gia đình tặng cho vàng vợ chồng khi cưới thì chị không nhớ, anh T cũng không chứng minh được, chị đề nghị chia đôi mỗi người một nửa.

- Đối với khoản thứ hai là khoản tiền anh T chuyển khoản cho chị bằng nhiều lần, cộng với thu nhập của chị, khoản tiền này chị vừa tiết kiệm, vừa chi tiêu sinh hoạt gia đình, vừa nuôi con, số tiền tiết kiệm là 107.687.810 đồng (tính đến tháng 11/2024) anh T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và nay còn 102.062.628 đồng (tính đến tháng 7/2025) như anh T trình bày tại phiên tòa thì chị không thể cộng các khoản tiền sao kê được nên chị không có ý kiến phản đối. Tuy nhiên, chị xác định từ thời điểm hai vợ chồng sống ly thân tháng 11/2024, anh T không đóng góp được một khoản tiền nào nuôi con nên chị phải sử dụng khoản tiền này vào việc sinh hoạt, nuôi con và nhu cầu của bản thân, đến nay còn 30.000.000 đồng chị rút về từ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T2 và đang gửi tại tài khoản của chị tại M. Về khoản tiền này chị đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Anh T.

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H

- Về con chung: giao cháu Đỗ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/07/2023 cho chị Nguyễn Khánh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung mà không được ai ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung: Tài sản chung của anh T chị H là 554.000.000đ. Anh T và chị H mỗi người được hưởng 277.000.000đ

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Anh T phải chịu 75.000 án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 13.850.000 đồng án phí chia tài sản (tổng cộng là 14.225.000 đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.550.000 đồng, anh T còn phải nộp tiếp 7.675.000 đồng. Chị Nguyễn Khánh H phải chịu 75.000 án phí ly hôn và 13.850.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 13.925.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Đỗ Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với chị Nguyễn Khánh H có nơi cư trú tại phường T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2023 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn nên hôn nhân giữa anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại địa phương nơi đương sự cư trú, đã có đủ căn cứ xác định: trong cuộc sống vợ chồng anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H có sự bất đồng quan điểm về kinh tế, ứng xử trong sinh hoạt gia đình, hai vợ chồng không thể chia sẻ, giúp đỡ cho nhau dẫn đến sống ly thân, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Quá trình Tòa án hòa giải và tại phiên tòa, anh chị đã thuận tình ly hôn, xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh T và chị H là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H.

[3] Về việc nuôi con:

Anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H có 01 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/7/2023, đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi, đang do chị Nguyễn Khánh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Khánh H không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, do vậy, căn cứ quy định: "Sau khi ly hôn, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con" tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Đỗ Nguyễn Bảo N cho chị Nguyễn Khánh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T và chị H đều là người có công việc và thu nhập ổn định (đều là bộ đội), căn cứ vào mức sống ở địa phương, thu nhập của cha mẹ, thấy mức cấp dưỡng cho cháu Đỗ Nguyễn Bảo N 3.000.000 đồng/tháng như anh T đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về chia tài sản.

[4.1] Về khối tài sản chung vợ chồng:

- Đối với khoản 524.000.000 đồng (bao gồm 500.000.000 đồng tiền gốc và 24.000.000 đồng tiền lãi của kỳ hạn thứ nhất, kỳ hạn thứ hai chưa đến hạn nên chưa được tính lãi) tại Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA30408428, số tài khoản 229017828799 Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T2 các đương sự đều thừa nhận và phù hợp với xác nhận của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T2.

- Đối với khoản thứ hai anh T xác định tại phiên tòa là 102.062.628 đồng. Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ chị H đã cung cấp, bao gồm: các hóa đơn nộp tiền học, mua thực phẩm, sữa cho cháu Đỗ Nguyễn Bảo N, ngoài ra còn những khoản chi tiêu nhỏ phục vụ sinh hoạt hàng ngày không thể chứng minh, đây là những giao dịch do chị H xác lập, thực hiện đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên coi là có sự đồng ý của anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị định 126/2014/NĐ-CP 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hôn nhân và gia đình, do vậy chị H xác định số tiền còn lại 30.000.000 đồng là phù hợp với xác nhận về số dư tài khoản, biến động tài khoản của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T2 và Ngân hàng TMCP Q.

Như vậy, khối tài sản chung của vợ chồng anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H tính đến ngày xét xử sơ thẩm là tổng hai khoản tiền nêu trên, bằng 554.000.000 đồng.

[4.2] Về công sức đóng góp:

Việc anh Đỗ Anh T cho rằng nguồn gốc một phần khối tài sản do bán vàng gia đình hai bên cho tặng vàng khi cưới, trong đó gia đình anh tặng cho cho nhiều hơn và anh có thu nhập lương khoảng 17.000.000 đồng/tháng, còn chị H thời gian đầu không có lương, khi đi làm có lương từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000

đồng/tháng để cho rằng công sức của anh nhiều hơn để chia theo tỷ lệ 60/40 là trái với quy định “Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập” tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bởi thời gian này chị H là người mang thai, nuôi con nhỏ, cũng như chăm sóc gia đình, thu nhập của anh T cao hơn thu nhập của chị H không lớn, đồng thời gia đình anh T cho tặng vàng nhiều hơn khi cưới là không có căn cứ. Do vậy công sức của anh chị đối với khối tài sản chung được tính bằng nhau nên việc chia tài sản cần áp dụng nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi mỗi người được $\frac{1}{2}$ bằng 277.000.000 đồng. Tài sản do chị H quản lý nên chị H phải trả cho anh T 277.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự thuận tình ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung, ngoài ra nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nên các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể như sau:

Anh Đỗ Anh T phải chịu 75.000 án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 13.850.000 đồng án phí chia tài sản (tổng cộng là 14.225.000 đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.550.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000528 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, anh T còn phải nộp tiếp 7.675.000 đồng.

Chị Nguyễn Khánh H phải chịu 75.000 án phí ly hôn và 13.850.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 13.925.000 đồng.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 33, 37, khoản 1 Điều 51; các Điều 55, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H.

2. Về việc nuôi con:

- Giao cháu Đỗ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/7/2023 cho chị Nguyễn Khánh H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: hàng tháng, anh Đỗ Anh T phải cấp dưỡng cho cháu Đỗ Nguyễn Bảo N 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng trên một tháng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đỗ Nguyễn Bảo N đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản:

Xác nhận tài sản chung vợ chồng anh Đỗ Anh T và chị Nguyễn Khánh H là tổng số tiền 554.000.000 đồng do chị Nguyễn Khánh H đang quản lý tại Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA30408428, số tài khoản 229017828799 Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T2 và Chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng TMCP Q phát hành ngày 19/02/2024 (mã giao dịch 25080212273294950 phát hành ngày 03/5/2025 và 04/5/2025), được chia theo phần:

- Chị Nguyễn Khánh H được sở hữu số tiền 277.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng);

- Chị Nguyễn Khánh H phải trả cho anh Đỗ Anh T số tiền 277.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đỗ Anh T phải chịu 75.000 án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 13.850.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 14.225.000 đồng (Mười bốn triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.550.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000528 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, anh T còn phải nộp tiếp 7.675.000 đồng (Bảy triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Khánh H phải chịu 75.000 án phí ly hôn và 13.850.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 13.925.000 đồng (Mười ba triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 2 - Ninh Bình;
- Cơ quan THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thành Trung